

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2017/HNGĐ-ST
Ngày 03-8-2017
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vương Văn Mum.

Ông Lê Đình Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017 về “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2017/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2017; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp BHD, xã TM, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1990. Hộ khẩu thường trú: Ấp LT, xã LTB, huyện HT, tỉnh Tây Ninh. Địa chỉ tạm trú: Ấp SS, xã ST, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị T trình bày:

Chị và anh H chung sống với nhau vào tháng 01 năm 2016, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cưới, vợ chồng có cuộc sống tự lập. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H uống rượu say về nhà gây sự với chị nên vợ chồng thường hay cãi vã và vợ chồng tự sống ly thân

từ tháng 4 năm 2016 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh H có đặt vấn đề đoàn tụ nhưng chị không đồng ý. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo lời khai của của anh H thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án:

Anh thừa nhận chung sống với chị T vào tháng 01 năm 2016, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng có cuộc sống tự lập. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không còn hợp nhau và mâu thuẫn về chuyện tiền bạc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2016 đến nay và vợ chồng thỏa thuận sẽ ly hôn. Nay anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vụ án không vi phạm quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Thanh T đối với anh Nguyễn Trung H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Trung H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H chung sống với nhau vào tháng 01 năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM. Vợ chồng có cuộc sống tự lập. Vợ chồng chung sống trong thời gian ngắn nhưng lại xảy ra mâu thuẫn gay gắt do tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn về chuyện tiền bạc nên vợ chồng tự sống ly thân từ tháng 4 năm 2016 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn,

anh H cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, chị T và anh H thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện nhưng anh H xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị T yêu cầu được ly hôn anh H theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Trung H.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Án phí: Chị Phạm Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008754 ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Báo cho chị T biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã TM;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Ngọc Dũng